TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST.
Ngày: 17/6/2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Xuân

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nhữ Quang H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường B, khu dân cư T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Số G đường C, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt)

2/ Ông Lê Thanh P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2024, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nhữ Quang H trình bày: Khoảng tháng 11/2022 vợ chồng bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P mua thịt bò của ông H để bán và nợ tiền mua

bán của ông H. Đến ngày 06/01/2023 bà Nguyễn Hồng T ký hóa đơn chốt tổng số tiền còn nợ của ông H là 18.200.000 đồng. Ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T, ông P trả tiền cho ông nhưng bà T, ông P vẫn không trả nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà T có trả cho ông H được 1.000.000 đồng. Số tiền còn nợ đến nay là 17.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nhữ Quang H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền còn nợ là 17.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2025 và tại phiên tòa,bị đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà T và chồng là ông Lê Thanh P có mua thịt bò của ông H để bán lại và có nợ tiền của ông H. Đến ngày 06/01/2023 bà T có ký hóa đơn chốt số tiền còn nợ của ông H với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà không có khả năng trả nợ cho ông H. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà T có trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng.

Nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, bà T yêu cầu ông H cho bà với ông P trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ 17.200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Thanh P còn chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Lê Thanh P vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nhữ Quang H. Buộc ông bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nhữ Quang H số tiền 17.200.000 đồng và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đã xác định bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 và ông Tằng Lê Văn P1. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn xác định họ, tên của bị đơn không phải Nguyễn Thị T1 mà họ, tên chính xác là Nguyễn Hồng T và ông P1 không phải tên Tằng Lê Văn P1 mà tên chính xác là Lê Thanh P. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định lại bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P.

[2] Nguyên đơn ông Nhữ Quang H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P thanh toán cho ông H số tiền nợ mua bán còn lại đến ngày xét xử sơ thẩm 17/6/2025 là 17.200.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Bị đơn bà Nguyễn Hồng T thừa nhận bà và ông P hiện nay còn nợ của ông H số tiền 17.200.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Nhữ Quang H đã thực hiện nghĩa vụ bán hàng cho bên mua là bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P. Nhưng bà T1 và ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông Nhữ Quang H yêu cầu bà T và ông P phải trả số tiền nợ còn lại 17.200.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nhữ Quang H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 860.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nhữ Quang H về việc yêu cầu bị đơn ông bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P trả số tiền 17.200.000 đồng.

[2] Buộc Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nhữ Quang H tổng số tiền 17.200.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Nhữ Quang H có đơn yêu cầu thi hành án, mà Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P chậm trả số tiền nêu trên cho ông Nhữ Quang H, thì Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P phải trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Nhữ Quang H, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Hồng T và ông Lê Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 860.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Nhữ Quang H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 455.000 đồng theo biên lai thu số 0008324 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ